

# Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời và các yếu tố liên quan

Hồ Thị Mỹ Yến<sup>1\*</sup>, Nguyễn Thị Thu Thảo<sup>1</sup>

(1) Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế

## Tóm tắt

**Đặt vấn đề:** Hiểu rõ và phân tích một cách khách quan thái độ của sinh viên điều dưỡng (SVĐD) đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời (CSBNCD) và các yếu tố liên quan sẽ góp phần dự phòng những tác động tiêu cực, định hướng phát huy tính tích cực ở bản thân người chăm sóc và góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc bệnh nhân.

**Mục tiêu:** Khảo sát thái độ của SVĐD đối với CSBNCD và tìm hiểu các yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 721 SVĐD chính quy từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế. **Kết quả:** Thái độ của SVĐD đối với CSBNCD có điểm trung bình là  $103,7 \pm 8,32$ ; phạm vi phân bố điểm từ 82 đến 135 điểm, trong đó có 76,4% sinh viên có thái độ tích cực đối với CSBNCD. Có sự liên quan giữa tuổi, khối lớp, xếp loại học tập, trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân trên lâm sàng và trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời ( $p < 0,05$ ) với thái độ của sinh viên đối với CSBNCD. **Kết luận:** Kết quả thu được rất có ý nghĩa đối với việc đào tạo điều dưỡng nói chung và điều dưỡng CSBNCD nói riêng, từ đó thấy được tầm quan trọng của việc cần phải trang bị đầy đủ các kiến thức cần thiết và chuẩn bị tâm lý cho SVĐD về CSBNCD.

**Từ khóa:** thái độ, bệnh nhân cuối đời, sinh viên điều dưỡng.

## Abstract

# Nursing students' attitudes toward caring for patients at the end of life and associated factors

Ho Thi My Yen<sup>1\*</sup>, Nguyen Thi Thu Thao<sup>1</sup>

(1) Nursing Faculty, University of Medicine and Pharmacy, Hue University

**Introduction:** Understanding nursing students' attitudes towards caring for patients at their end of life and associated factors will help to provide the best practice and contribute to improving the quality of life in patients. **Objectives:** To investigate the attitude of nursing students towards caring for patients at their end of life and its associated factors. **Methodology:** A descriptive cross-sectional design was conducted among 721 full-time nursing students from the 1st-4th year at the University of Medicine and Pharmacy, Hue University. **Results:** The attitude of nursing students towards caring for patients at the end of life has Mean =  $103.7 \pm 8.32$ ; score distribution ranges from 82 to 135 points, of which 76.4% of nursing students have a positive attitude. There was a correlation between age, grade, academic rating, clinical patient care experience, and end-of-life care experience with nursing students' attitudes. **Conclusion:** The findings showed initial information to build a training program for palliative care. It is necessary to provide adequate knowledge and psychological support for nursing students to take care of the patient at the end of life.

**Keywords:** attitude, dying patient, nursing student.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) chăm sóc điều dưỡng nói chung và chăm sóc giảm nhẹ nói riêng rất đa dạng về hình thức, nội dung và đóng vai trò rất quan trọng đối với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. Chăm sóc giảm nhẹ cuối đời giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của bệnh nhân và gia đình của họ, những người đang phải đối mặt với những thách thức liên quan đến bệnh tật đe dọa tính mạng, tâm

lý, xã hội hay tinh thần. Trong quá trình chăm sóc, chất lượng cuộc sống của những người chăm sóc cũng được duy trì và cải thiện. Chăm sóc cuối đời là bảo đảm chất lượng cuộc sống của bệnh nhân, mang đến sự thoải mái về thể chất, bảo đảm các nhu cầu chăm sóc hàng ngày cũng như các nhu cầu về tình cảm và tinh thần của bệnh nhân. Đội ngũ điều dưỡng là những nhân viên y tế ở cạnh bệnh nhân 24 giờ và nhờ đó họ biết được nhu cầu của

Địa chỉ liên hệ: Hồ Thị Mỹ Yến; Email: htmien@huemed-univ.edu.vn

Ngày nhận bài: 31/8/2022; Ngày đồng ý đăng: 26/10/2022; Ngày xuất bản: 15/11/2022

DOI: 10.34071/jmp.2022.6.13

bệnh nhân một cách đầy đủ, chính xác [1]. Vì vậy vai trò của điều dưỡng trong chăm sóc bệnh nhân cuối đời (CSBNCD) ngày càng quan trọng. Nghiên cứu của Grubb & Arthur chỉ ra rằng thái độ tiêu cực của điều dưỡng, chẳng hạn như cảm giác sợ hãi và lo lắng khi chăm sóc điều dưỡng, có thể làm giảm chất lượng chăm sóc ở bệnh nhân cuối đời và mối quan hệ trị liệu với bệnh nhân cuối đời [2].

Để bệnh nhân và người nhà của họ có thể trải qua giai đoạn cuối đời một cách thoải mái, có ý nghĩa thì điều dưỡng cần có những hiểu biết và thái độ phù hợp [3]. Tuy nhiên, hầu hết các điều dưỡng mới ra trường đều chưa sẵn sàng để đối mặt với sự qua đời của bệnh nhân và chăm sóc họ [4]. CSBNCD dẫn đến những ảnh hưởng mạnh mẽ đến điều dưỡng và sinh viên điều dưỡng vì họ có thể cảm thấy chưa đủ sẵn sàng khi CSBNCD [5], sinh viên có thể cảm thấy sợ hãi khi đối mặt với cái chết của bệnh nhân và lo lắng, cảm thấy bản thân bất lực khi không thể hỗ trợ được gì cho bệnh nhân [6, 7] từ đó gây nhiều tác động tiêu cực đến bản thân người điều dưỡng và hiệu quả chăm sóc người bệnh.

Tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, sinh viên điều dưỡng (SVDD) được học về chăm sóc cho hầu hết tất cả các đối tượng (người lớn, trẻ em, sản phụ khoa, người cao tuổi, chăm sóc các bệnh lý chuyên khoa...) nhưng nội dung CSBNCD chưa được đề cập đầy đủ và trước đây thái độ của SVDD đối với CSBNCD chưa được tìm hiểu một cách khách quan. Tại Việt Nam, chưa có nghiên cứu về thái độ của SVDD đối với CSBNCD. Trên thế giới đã có một số nghiên cứu về vấn đề này. Nghiên cứu của A'la, M. Z. và cộng sự (2018) chỉ ra rằng: điểm trung bình thái độ của SVDD về chăm sóc cuối đời là  $93,83 \pm 5,96$ , kinh nghiệm và trình độ đào tạo là các yếu tố có liên quan [8]. Nghiên cứu của Berndtsson, I. E. và cộng sự (2019) chỉ ra rằng thái độ về CSBNCD là khác nhau giữa các khoa bệnh khác nhau và việc được cung cấp khóa học về chăm sóc giảm nhẹ có thể giúp sinh viên thay đổi thái độ về CSBNCD theo hướng tích cực [9].

Tìm hiểu thái độ khi CSBNCD ở SVDD, những nhân viên y tế tương lai là hoàn toàn cần thiết. Việc hiểu rõ và phân tích một cách khách quan thái độ và các yếu tố liên quan của SVDD đối với CSBNCD sẽ góp phần ngăn ngừa những tác động tiêu cực ở bản thân người chăm sóc và nâng cao chất lượng chăm sóc bệnh nhân. Vì vậy, chúng tôi thực hiện đề tài: **“Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời và các yếu tố liên quan”** với 2 mục tiêu:

1) **Khảo sát thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với CSBNCD.**

2) **Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến thái độ của SVDD đối với CSBNCD.**

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 721 sinh viên điều dưỡng chính quy từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022.

**2.1.1. Tiêu chuẩn lựa chọn:** là sinh viên điều dưỡng chính quy Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế, đồng ý tham gia trả lời nghiên cứu.

**2.1.2. Tiêu chuẩn loại trừ:** sinh viên không đồng ý tham gia trả lời nghiên cứu hoặc vắng mặt trong thời gian tiến hành nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**2.2.1. Thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả cắt ngang sử dụng bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

### 2.2.2. Công cụ nghiên cứu

- Khảo sát thái độ của SVDD về CSBNCD bằng sử dụng thang đo thái độ đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời của Frommelt (2003) (The Frommelt Attitude Toward Care of the Dying Scale (FATCOD)) [10]. Thang đo gồm có 30 câu hỏi và được chia làm 2 phần chính: thái độ tích cực (15 câu) và thái độ tiêu cực (15 câu). Mỗi câu thái độ tích cực đánh giá theo thang điểm Likert: 1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Bình thường; 4. Đồng ý; 5. Rất đồng ý. Mỗi câu thái độ tiêu cực đánh giá ngược lại. Thang đo này có điểm tối thiểu là 30 điểm, điểm tối đa là 150 điểm, điểm càng cao thì thái độ tích cực càng cao.

- Phân loại các mức độ thái độ của SVDD đối với CSBNCD dựa theo [11]:

+ Thái độ tích cực khi có điểm trung bình  $\geq 65\%$  tổng điểm của thang đo FATCOD.

+ Thái độ bình thường khi có điểm trung bình từ trên 50% đến dưới 65% tổng điểm của thang đo FATCOD.

+ Thái độ tiêu cực khi có điểm trung bình  $\leq 50\%$  tổng điểm của thang đo FATCOD.

- Bộ câu hỏi còn bao gồm các dữ liệu xã hội học và trải nghiệm của sinh viên trước đây khi chăm sóc bệnh nhân. Bộ câu hỏi đã được thực hiện và có độ tin cậy qua nghiên cứu: “Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với cái chết và chăm sóc bệnh nhân hấp hối” của Zainab Zahran (2021) với Cronbach's  $\alpha = 0,78$  [12]. Trong nghiên cứu của chúng tôi bộ câu hỏi này được dịch sang tiếng Việt và được kiểm định độ tin cậy bằng một nghiên cứu với 30 đối tượng có cùng đặc điểm với mẫu. Kết quả cho thấy độ tin cậy cao (Cronbach's  $\alpha = 0,81$ ).

### 2.3. Xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để tính ra các đặc trưng của thống kê mô tả như giá trị trung bình, tần số, tỷ lệ phần trăm, t-test và ANOVA. Sự liên quan giữa hai biến có ý nghĩa thống kê khi giá trị  $p < 0,05$ .

## 3. KẾT QUẢ

### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

**Bảng 1.** Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

| Đặc điểm chung                                  |                                               | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|-----------|
| Tuổi<br>(Mean = 19,91 ± 1,37)                   | ≤ 20                                          | 486        | 67,4      |
|                                                 | > 20                                          | 235        | 32,6      |
| Giới tính                                       | Nam                                           | 47         | 6,5       |
|                                                 | Nữ                                            | 674        | 93,5      |
| Khối lớp                                        | Năm 1                                         | 254        | 35,2      |
|                                                 | Năm 2                                         | 164        | 22,8      |
|                                                 | Năm 3                                         | 166        | 23,0      |
|                                                 | Năm 4                                         | 137        | 19,0      |
| Nơi ở                                           | Thành thị                                     | 235        | 32,6      |
|                                                 | Nông thôn                                     | 486        | 67,4      |
| Xếp loại học tập                                | Dưới trung bình                               | 5          | 0,7       |
|                                                 | Trung bình                                    | 174        | 24,1      |
|                                                 | Khá                                           | 392        | 54,4      |
|                                                 | Giỏi                                          | 145        | 20,1      |
|                                                 | Xuất sắc                                      | 5          | 0,7       |
| Trải nghiệm chăm sóc<br>bệnh nhân trên lâm sàng | Đã tham gia                                   | 283        | 39,3      |
|                                                 | Chưa tham gia                                 | 438        | 60,7      |
| Trải nghiệm chăm sóc bệnh<br>nhân cuối đời      | Đã từng, là người thân/người quen             | 135        | 18,7      |
|                                                 | Đã từng, không phải là người thân/người quen  | 46         | 6,4       |
|                                                 | Chưa từng, chỉ chứng kiến người khác chăm sóc | 330        | 45,8      |
|                                                 | Chưa từng gặp bệnh nhân giai đoạn cuối đời    | 210        | 29,1      |

**Nhận xét:** Độ tuổi trung bình của SVĐD là 19,91 (SD = ± 1,37); trong đó, sinh viên nữ chiếm đa số với tỷ lệ 93,5%, tỷ lệ sinh viên ở nông thôn nhiều hơn ở thành thị (67,4%), có đến 54,4% sinh viên có học lực khá, 60,7% sinh viên chưa có trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân trên lâm sàng và 45,8% sinh viên chưa từng chăm sóc bệnh nhân cuối đời mà chỉ chứng kiến người khác chăm sóc.

### 3.2. Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời

**Bảng 2.** Thái độ của SVĐD đối với CSBNCD (thang đo FATCOD)

|                                 | Mean ± SD    | Giá trị lớn nhất | Giá trị nhỏ nhất |
|---------------------------------|--------------|------------------|------------------|
| Thái độ của SVĐD đối với CSBNCD | 103,7 ± 8,32 | 82               | 135              |

**Nhận xét:** Kết quả từ bảng 2 cho thấy, thái độ của SVĐD đối với CSBNCD có điểm trung bình là 103,7 (SD = ± 8,32), có phạm vi từ 82 - 135 điểm.

**Bảng 3.** Sự phân bố thái độ của SVĐD theo mức độ

|                  | Tần số (n) | Tỷ lệ (%) |
|------------------|------------|-----------|
| Thái độ tích cực | 551        | 76,4      |
| Bình thường      | 170        | 23,6      |

**Nhận xét:** Từ bảng 3 cho thấy phần lớn SVĐD có thái độ tích cực đối với CSBNCD (76,4%).

### 3.3. Các yếu tố liên quan đến thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với CSBNCD

**Bảng 4.** Các yếu tố liên quan đến thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với CSBNCD

|                                              | Đặc điểm chung                                | Mean $\pm$ SD    | p       |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------|---------|
| Tuổi                                         | $\leq 20$                                     | 104,5 $\pm$ 8,16 | < 0,001 |
|                                              | > 20                                          | 102,1 $\pm$ 8,42 |         |
| Giới tính                                    | Nam                                           | 104,6 $\pm$ 8,79 | 0,465   |
|                                              | Nữ                                            | 103,7 $\pm$ 8,29 |         |
| Khối lớp                                     | Năm 1                                         | 105,2 $\pm$ 7,47 | < 0,001 |
|                                              | Năm 2                                         | 104,4 $\pm$ 8,68 |         |
|                                              | Năm 3                                         | 102,1 $\pm$ 8,55 |         |
|                                              | Năm 4                                         | 102,1 $\pm$ 8,55 |         |
| Nơi ở                                        | Thành thị                                     | 104,1 $\pm$ 9,04 | 0,409   |
|                                              | Nông thôn                                     | 103,5 $\pm$ 7,95 |         |
| Xếp loại học tập                             | Dưới trung bình                               | 100,4 $\pm$ 9,29 | 0,022   |
|                                              | Trung bình                                    | 103,5 $\pm$ 8,78 |         |
|                                              | Khá                                           | 103,2 $\pm$ 8,21 |         |
|                                              | Giỏi                                          | 105,0 $\pm$ 7,79 |         |
|                                              | Xuất sắc                                      | 112,6 $\pm$ 8,26 |         |
| Trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân trên lâm sàng | Đã tham gia                                   | 102,3 $\pm$ 8,52 | < 0,001 |
|                                              | Chưa tham gia                                 | 104,6 $\pm$ 8,07 |         |
| Trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời      | Đã từng, là người thân/người quen             | 105,0 $\pm$ 8,61 | 0,014   |
|                                              | Đã từng, không phải là người thân/người quen  | 101,5 $\pm$ 7,83 |         |
|                                              | Chưa từng, chỉ chứng kiến người khác chăm sóc | 104,2 $\pm$ 7,85 |         |
|                                              | Chưa từng gặp bệnh nhân giai đoạn cuối đời    | 102,7 $\pm$ 8,79 |         |

**Nhận xét:** Bảng 4 cho thấy, có sự liên quan giữa thái độ của SVDD trong CSBNCD với tuổi, khối lớp, xếp loại học tập, trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân trên lâm sàng và trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời ( $p < 0,05$ ).

## 4. BÀN LUẬN

### 4.1. Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, thái độ của SVDD đối với CSBNCD có điểm trung bình là  $103,7 \pm 8,32$ . Kết quả này cao hơn so với báo cáo của Kim, E. H. và cộng sự với điểm trung bình là  $85,75 \pm 6,05$  [3]. Kết quả này cao hơn khi so sánh với nghiên cứu của A'la, M. Z. và cộng sự, có mức độ trung bình của thái độ chăm sóc bệnh nhân hấp hối của SVDD là  $93,88 \pm 5,66$  [8]. Kết quả của chúng tôi cũng cao hơn báo cáo của Zahran, Z. và cộng sự trong đề tài "Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với cái chết và chăm sóc bệnh nhân hấp hối" với điểm trung bình là  $98,1 \pm 9,2$  [12]. So sánh với kết quả của Abu-El-Noor và cộng sự có điểm trung bình là  $96,96 \pm 8,30$ , nghiên cứu của chúng tôi cũng có kết

quả cao hơn [13]. Trong nghiên cứu của Mohamed Ali, W. G và cộng sự, có điểm trung bình là  $94,35 \pm 9,46$ , kết quả này thấp hơn kết quả theo nghiên cứu của chúng tôi [11]. Tuy nhiên, kết quả này lại thấp hơn so với báo cáo của Berndtsson, I. E. và cộng sự, nghiên cứu trước khóa học chăm sóc giảm nhẹ cho thấy điểm trung bình của thái độ đối với chăm sóc bệnh nhân hấp hối của sinh viên điều dưỡng là  $123,0 \pm 10,1$  [9]. So sánh với báo cáo của Laporte, P. và cộng sự, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng thấp hơn với điểm trung bình là  $117,7 \pm 9,8$  [14].

Trong nghiên cứu của chúng tôi điểm FATCOD có phạm vi phân bố điểm từ 82 đến 135 điểm, kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của A'la, M. Z. và cộng sự, có sự phân bố từ 30 đến 120 điểm [8]. So sánh với kết quả của Abu-El-Noor và cộng sự, phạm vi phân bố điểm từ 76 đến 125 điểm, kết quả nghiên

cứu của chúng tôi có phân bố điểm cao hơn [13]. Theo kết quả của Mohamed Ali, W. G và cộng sự, điểm thái độ của những người tham gia dao động từ 64 đến 120 điểm, kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi [11]. Phạm vi phân bố điểm trong nghiên cứu của Zahran, Z. và cộng sự trong đề tài “Thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với cái chết và chăm sóc bệnh nhân hấp hối” là từ 68 đến 137 điểm, giới hạn dưới thấp hơn, còn giới hạn trên thì cao hơn so với nghiên cứu của chúng tôi [12].

Báo cáo của chúng tôi cho thấy, phần lớn sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực (76,4%), 23,6% sinh viên có thái độ bình thường đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời. So sánh với kết quả của Mohamed Ali, W. G và cộng sự có 58,9% sinh viên có thái độ bình thường, 37,6% sinh viên có thái độ tích cực và chỉ có 3,6% sinh viên có thái độ tiêu cực, theo kết quả này sinh viên có thái độ tích cực thấp hơn so với báo cáo của chúng tôi, còn sinh viên có thái độ bình thường và thái độ tiêu cực thì cao hơn so với báo cáo của chúng tôi [11].

#### 4.2. Các yếu tố liên quan đến thái độ của sinh viên điều dưỡng đối với CSBNCD

Trong nghiên cứu của chúng tôi, có sự liên quan giữa thái độ của SVĐD trong CSBNCD với tuổi ( $p < 0,001$ ), khối lớp ( $p < 0,001$ ), xếp loại học tập ( $p = 0,022$ ), trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân trên lâm sàng ( $p < 0,001$ ) và trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời ( $p = 0,014$ ); còn không có sự liên quan giữa thái độ của SVĐD trong CSBNCD với giới tính ( $p = 0,465$ ) và nơi ở ( $p = 0,409$ ). So sánh với kết quả của A'la, M. Z. và cộng sự, giới tính và kinh nghiệm đào tạo không có mối quan hệ với thái độ của sinh viên trong việc CSBNCD ( $p = 0,22$  và  $p = 0,943$ ); có mối quan hệ giữa kinh nghiệm và trình độ học tập với thái độ của sinh viên trong việc CSBNCD ( $p = 0,023$  và

$p = 0,036$ ) [8]. So sánh với nghiên cứu của Laporte, P. và cộng sự, thái độ chăm sóc bệnh nhân nan y có liên quan tích cực với độ tuổi cao hơn, năm học cao hơn và trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân nan y [10]. So sánh với nghiên cứu của Mohamed Ali, W. G. và cộng sự, không có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê giữa tuổi của điều dưỡng ( $p = 0,240$ ), nơi làm việc ( $p = 0,770$ ), số năm kinh nghiệm ( $p = 0,269$ ) và tổng điểm của thang đo FATCOD; mặt khác, có mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa trình độ học vấn của điều dưỡng và điểm số của họ trên thang điểm FATCOD ( $p = 0,001$ ) [11].

#### 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Điều dưỡng có vai trò cực kỳ quan trọng trong chăm sóc bệnh nhân cuối đời. Vì vậy, việc chuẩn bị đầy đủ tâm lý và kiến thức về chăm sóc bệnh nhân cuối đời cho sinh viên điều dưỡng là cần thiết. Qua nghiên cứu của chúng tôi cho thấy thái độ của SVĐD đối với CSBNCD có điểm trung bình là  $103,7 \pm 8,32$ , có 76,4% sinh viên điều dưỡng có thái độ tích cực đối với chăm sóc bệnh nhân cuối đời. Cũng theo kết quả nghiên cứu này, có sự liên quan giữa thái độ của SVĐD trong CSBNCD với tuổi, khối lớp, xếp loại học tập, trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân trên lâm sàng và trải nghiệm chăm sóc bệnh nhân cuối đời. Kết quả thu được rất có ý nghĩa đối với việc đào tạo điều dưỡng nói chung và điều dưỡng chăm sóc bệnh nhân cuối đời nói riêng trong việc xác định được thái độ của SVĐD đối với CSBNCD và các yếu tố liên quan, từ đó thấy được tầm quan trọng của việc trang bị đầy đủ các kiến thức cần thiết và chuẩn bị tâm lý cho sinh viên điều dưỡng về chăm sóc bệnh nhân cuối đời. Kiến nghị Nhà trường và Khoa Điều dưỡng cần xem xét bổ sung kiến thức về chăm sóc bệnh nhân cuối đời trong chương trình đào tạo Cử nhân điều dưỡng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Smeltzer and Bare (2010). Textbook of medical-surgical nursing. Broadway, N.S.W. : Lippincott Williams & Wilkins, 2010.
2. Grubb, C., & Arthur, A. (2016). Student nurses' experience of and attitudes towards care of the dying: A cross-sectional study. *Palliative medicine*, 30(1), 83-88.
3. Kim, E. H., & Lim, Y. M. (2019). The mediating effect of compassionate competence on the relationship between nurses' spirituality and attitude toward care of dying patients. *Journal of East-West Nursing Research*, 25(2), 166-173.
4. Strang, S., et al. (2014). Swedish nursing students' reasoning about emotionally demanding issues in caring for dying patients. *International Journal of Palliative Nursing*, 20(4), 194-200.
5. Gillan, P. C., van der Riet, P. J., & Jeong, S. (2014). End of life care education, past and present: A review of the literature. *Nurse Education Today*, 34(3), 331-342.
6. Ek, K., et al. (2014). Death and caring for dying patients: exploring first-year nursing students' descriptive experiences. *International Journal of Palliative Nursing*, 20(10), 509-515.
7. Cooper, J., & Barnett, M. (2005). Aspects of caring for dying patients which cause anxiety to first year student nurses. *International journal of palliative nursing*, 11(8), 423-430.

8. A'la, M. Z., Setioputro, B., & Kurniawan, D. E. (2018). Nursing students' attitudes towards caring for dying patients. *Nurse Media Journal of Nursing*, 8(1), 25-34.
9. Berndtsson, I. E., Karlsson, M. G., & Rejnö, Å. C. (2019). Nursing students' attitudes toward care of dying patients: A pre-and post-palliative course study. *Heliyon*, 5(10), e02578.
11. Mohamed Ali, W. G., & Ayoub, N. S. (2010). Nurses'attitudes toward caring for dying patient in mansoura university hospitals. *Journal of Medicine & Biomedical Sciences*, (2).
10. Frommelt, K. H. M. (2003). Attitudes toward care of the terminally ill: an educational intervention. *American Journal of Hospice and Palliative Medicine®*, 20(1), 13-22.
12. Zahran, Z., et al. (2022). Nursing students' attitudes towards death and caring for dying patients. *Nursing Open*.
13. Abu-El-Noor, N. I., & Abu-El-Noor, M. K. (2016). Attitude of Palestinian nursing students toward caring for dying patients: A call for change in health education policy. *Journal of Holistic Nursing*, 34(2), 193-199.
14. Laporte, P., et al. (2020). Factors affecting attitudes towards caring for terminally ill patients among nursing students in Switzerland: a cross-sectional study. *BMJ open*, 10(9), e037553.